

## **0.a. Goal**

Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả mọi người

## **0.b. Target**

Mục tiêu 8.5: Đến năm 2030, tạo việc làm đầy đủ, năng suất và việc làm tốt cho tất cả nam và nữ, bao gồm cả thanh niên, người khuyết tật và thù lao ngang bằng đối với các loại công việc như nhau (Mục tiêu 8.5 toàn cầu)

## **0.c. Indicator**

Chỉ tiêu 8.5.1. Thu nhập bình quân một lao động có việc làm

## **0.e. Metadata update**

tháng 6/2021

## **1.a. Organisation**

Tổng cục Thống kê

## **1.f. Contact mail**

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

## **1.g. Contact email**

banbientap@gso.gov.vn

## **2.a. Definition and concepts**

Thu nhập của lao động có việc làm là thu nhập từ tiền công, tiền lương và các khoản thu nhập khác có tính chất như lương gồm tiền làm thêm, tiền thưởng, tiền phụ cấp,... của những người lao động làm công ăn lương trong nền kinh tế. Các khoản thu nhập này có thể bằng tiền mặt hoặc hiện vật.

Thu nhập bình quân một lao động có việc làm là tổng số thu nhập thực tế tính bình quân một lao động làm công ăn lương.

## **2.c. Classifications**

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

Bảng Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam năm 2018 ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ

### **3.a. Data sources**

Điều tra lao động và việc làm.

### **3.b. Data collection method**

Đây là cuộc điều tra chọn mẫu được quy định trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

Điều tra Lao động việc làm là điều tra chọn mẫu với cỡ mẫu bảo đảm các ước lượng thống kê cho cấp vùng, thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh theo quý và cho cấp tỉnh theo năm.

- Điều tra chọn mẫu áp dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng hai giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Xác định số địa bàn mẫu; phân bố địa bàn mẫu dựa trên danh sách địa bàn mẫu chủ của Tổng điều tra dân số và nhà ở 2019 tại mỗi tỉnh theo 2 tầng cho khu vực thành thị và nông thôn; thực hiện chọn các địa bàn theo phương pháp xác suất tỷ lệ thuận với quy mô hộ của địa bàn.

+ Giai đoạn 2: Chọn hộ mẫu tại mỗi địa bàn điều tra mẫu được chọn ở giai đoạn 1 theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống.

- Phương pháp thu thập thông tin: Phương pháp phỏng vấn trực tiếp sử dụng phiếu điện tử được cài đặt trên máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh của điều tra viên. Điều tra viên đến từng hộ để hỏi người cung cấp thông tin và ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điện tử.

Mục đích: Thu thập thông tin phản ánh thực trạng nguồn lao động và việc làm nhằm phục vụ yêu cầu quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả và phát triển hợp lý nguồn lực thị trường lao động; phục vụ tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động, việc làm được quy định trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

### **3.d. Data release calendar**

năm

### **3.e. Data providers**

Tổng cục Thống kê

### **3.f. Data compilers**

Tổng cục Thống kê

## 4.a. Rationale

Thu nhập là một khía cạnh quan trọng của chất lượng việc làm và điều kiện sống. Thông tin về thu nhập được phân tổ theo nhiều phân loại khác nhau (giới tính, nhóm tuổi, nghề nghiệp, ..) cung cấp thông tin đánh giá mức độ bình đẳng trong thu nhập.

## 4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Thu nhập bình quân một lao động có việc làm} = \frac{\sum W_i \times L_i}{\sum L_i}$$

Trong đó:

$i$ : Thời gian tham chiếu (thường là 1 tháng);

$L_i$ : Số lao động làm công ăn lương tại thời điểm điều tra;

$W_i$ : Thu nhập của lao động làm công ăn lương trong thời gian tham chiếu.

## 5. Data availability and disaggregation

Số liệu có sẵn hàng năm từ 2012-2019

Số liệu có sẵn cho các phân tổ: giới tính, nghề nghiệp, ngành kinh tế, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương hàng năm từ 2012-2019

(Nguồn công bố: Kết quả điều tra lao động và việc làm hàng năm của Tổng cục Thống kê)

## 6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này tương ứng với chỉ tiêu SDG toàn cầu 8.5.1: Average hourly earnings of employees, by sex, age, occupation and persons with disabilities

Có một số khác biệt giữa chỉ tiêu Việt Nam và chỉ tiêu toàn cầu:

+ Toàn cầu tính thu nhập trung bình theo giờ;

+ Việt Nam tính thu nhập trung bình theo tháng.

Toàn cầu có phân tổ theo người khuyết tật; Việt Nam chưa tính toán được theo phân tổ này.

Ngoài ra, sự đa dạng của các nguồn số liệu cũng ảnh hưởng rất lớn đến khả năng so sánh quốc tế, vì mỗi loại nguồn có phạm vi và đặc điểm riêng. Sẽ không hoàn toàn chính xác nếu so sánh, ví dụ, thu nhập hàng giờ từ điều tra lao động cho một quốc gia với thu nhập hàng giờ từ điều tra doanh

nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh cho một quốc gia khác. Việc sử dụng các định nghĩa không chuẩn và sự không đồng nhất của các tiêu chí dẫn đến không bảo đảm so sánh quốc tế.

## ***7. References and Documentation***

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Báo cáo kết quả điều tra lao động và việc làm hàng năm của Tổng cục Thống kê;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>